

Bản án số: 254/2024/HS-ST

Ngày: 18/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Vinh.
2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 256/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3030/2024/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Căn cước công dân số: 02311**** cấp ngày 13 tháng 9 năm 1993 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Không; Nơi ở hiện nay: Phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Hoàn cảnh gia đình: Gia đình bị can có 05 người con, bị can là con thứ hai; Chồng: Chưa có; có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14 tháng 10 năm 2020, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 09 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù (Theo Bản án số: 39/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021). Ngày 14 tháng 7 năm 2021, chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong các

quyết định khác của bản án, đã xóa án tích (Bút lục 41 - 45); Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 16 tháng 9 năm 2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Trương Thị Thúy D, sinh năm 1999; Địa chỉ: đường Tô Vĩnh Diện, khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

2. Anh Thái B1, sinh năm 2000; Địa chỉ: đường Bạch Đằng, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường Ba Tháng Hai, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04 tháng 9 năm 2024, Trần Thị Ngọc B đến khách sạn M, địa chỉ: Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1 để xin làm công việc vệ sinh buồng phòng và được nhận. Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 07 tháng 9 năm 2024, B làm việc tại khách sạn thì phát hiện trên bàn máy tính trong phòng bảo vệ tại tầng trệt có để 01 điện thoại hiệu Redmi 14C của chị Nguyễn Trương Thị Thúy D (là quản lý khách sạn), 01 điện thoại hiệu Iphone 6S của anh Thái B1 (là nhân viên lễ tân khách sạn) và tại ghế sofa ở sảnh tại tầng trệt khách sạn có 01 điện thoại Iphone XS Max của anh Thái B1 đang cắm sạc, nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc chị D, anh B1 lên tầng trên kiểm tra phòng, chỉ còn B làm việc tại tầng trệt của khách sạn, B đã vào phòng bảo vệ tại tầng trệt, dùng tay phải lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 14C và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S để trên bàn máy tính, bỏ vào trong túi vải màu đen cầm trên tay trái, sau đó B đi ra sảnh đến chỗ ghế sofa tiếp tục dùng tay phải lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max bỏ vào túi vải đen rồi đi ra cửa khách sạn. B treo túi vải màu đen bên trong có 03 chiếc điện thoại vừa lấy trộm được lên móc treo đồ trên xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số: 51R7-67** của B rồi dắt xe ra, điều khiển xe chạy đi.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô hiệu Lead màu đen biển số: 51R7-67** chạy đến tiệm sửa chữa điện thoại tại địa chỉ Đường Ba Tháng Hai, Phường 7, Quận 10 và bán chiếc điện thoại hiệu Redmi 14C cho anh Trần Văn Q, khi bán B nói với anh Q là điện thoại của B đang dùng, không muốn sử dụng nữa nên đem bán. Anh Q kiểm tra thấy điện thoại không có mặt khau nên đồng ý mua với giá 1.600.000 đồng và đưa tiền mặt cho B. Đến ngày

08 tháng 9 năm 2024, B tiếp tục bán chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) ở lề đường trước địa chỉ số X Hoàng Sa, Phường 11, Quận 3 với giá 80.000 đồng. Riêng chiếc điện thoại Iphone XS Max, B không bán mà giữ lại sử dụng. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị D và anh B1 đã đến Công an phường Bến Thành, Quận 1 trình báo sự việc. Ngày 10 tháng 9 năm 2024, qua truy xét, Công an phường Bến Thành, Quận 1 đưa Trần Thị Ngọc B cùng với Trần Trọng A (là người sống cùng với B tại địa chỉ: Phòng số 5, Số K Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân) và Trần Văn Q về trụ sở Công an làm rõ, đồng thời thu hồi 01 điện thoại hiệu Redmi 14C và 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max, riêng điện thoại hiệu Iphone 6S chưa thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 160/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 14C màu xanh trị giá 3.070.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng trị giá 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64GB trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.070.000 đồng (Bút lục 26-30).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thị Ngọc B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của B phù hợp với biên bản đối chất, thực nghiệm điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được (Bút lục 60-154).

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 14C màu xanh, màu trắng, số Imei 1: 864965072613325/02; số Imei 2: 864965072613333/02, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại cho chị Nguyễn Trương Thị Thúy D (Bút lục 85).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng 64GB, số Imei 1: 35726809121450, số Imei 2: 357268091229924; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại cho anh Thái B1 (Bút lục 86).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64GB chưa thu hồi được.

* Tạm giữ của Trần Thị Ngọc B:

- 01 (một) áo chất liệu vải, màu đen; 01 (một) quần chất liệu vải, ống dài, màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số 51R7-67**, số khung: LWBTDH10571034***, số máy: H150MH07J03***, qua xác minh do chị Liêu Vĩnh Hoàng Q2 (Thường trú tại: phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) là chủ sở hữu. Xác minh tại Công an phường Tân Quý, quận Tân

Phú được biết chị Quyên hiện không ở nơi cư trú, đi đâu không rõ. Trần Thị Ngọc B khai mua xe mô tô trên tại một cửa hàng xe cũ trên đường Lũy Bán B, quận Tân Phú (không nhớ địa chỉ) năm 2018 nhưng chưa làm thủ tục sang đổi chủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu, người liên quan đến xe mô tô trên nhưng chưa nhận được kết quả (Bút lục 31-33,70).

Các vật chứng trên hiện đang được nhập kho của Công an Quận 1 tạm giữ (Bút lục 22).

* Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại là chị Nguyễn Trương Thị Thúy D và anh Thái B1 không có yêu cầu gì về dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Q không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Cáo trạng số: 261/CT-VKSQ1 ngày 19 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc B đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” mà tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hiên từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại là chị Nguyễn Trương Thị Thúy D và anh Thái B1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Q đều không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét.

- Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) áo chất liệu vải, màu đen; 01 (một) quần chất liệu vải, ống dài, màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen, là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số: 51R7-67**, số khung: LWBTDH10571034****, số máy: H150MH07J03**** cần tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu, người liên quan; hết thời hạn đăng báo mà chủ sở hữu, người liên quan không liên hệ giải quyết thì đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ngọc B đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì, bị cáo trình bày bản thân không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo mua xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số: 51R7-67** không có giấy tờ và không làm thủ tục sang tên. Đồng thời, bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là: Biên bản bắt bị can để tạm giam, biên bản hoạt động điều tra, hình ảnh camera hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, bản tường trình, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, kết luận định giá tài sản,... nên có căn cứ để kết luận: Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 07 tháng 9 năm 2024, tại tầng trệt khách sạn Mihn Suites, địa chỉ: Số 141/1 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Thị Ngọc B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Redmi 14C màu xanh của chị Nguyễn Trương Thị Thúy Duyên; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng 64GB và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64GB của anh Thái B1. Theo Kết luận định giá tài sản số 160/KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 14C màu xanh trị giá 3.070.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng trị giá 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64GB trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là

12.070.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Ngọc B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với mức hình phạt nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hoàn cảnh nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại là chị Nguyễn Trương Thị Thúy D và anh Thái B1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Q đều không yêu cầu bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 14C màu xanh, màu trắng, số Imei 1: 864965072613325/02; số Imei 2: 864965072613333/02, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại cho chị Nguyễn Trương Thị Thúy D, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng 64GB, số Imei 1: 35726809121450, số Imei 2: 357268091229924; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại cho anh Thái B1, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 (một) áo chất liệu vải, màu đen; 01 (một) quần chất liệu vải, ống dài, màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen, là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số 51R7-67**, số khung: LWBTDH10571034***, số máy: H150MH07J03*** cần tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu, người liên quan; hết thời hạn đăng báo mà chủ sở hữu, người liên quan không liên hệ giải quyết thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Thị Ngọc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 9 năm 2024.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) áo chất liệu vải, màu đen; 01 (một) quần chất liệu vải, ống dài, màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen.

- Đăng báo tìm chủ sở hữu, người liên quan trong thời hạn 01 (một) năm đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Lead màu đen, biển số: 51R7-67**, số khung: LWBTDH10571034***, số máy: H150MH07J03***. Hết thời hạn nêu trên, chủ sở hữu, người liên quan không liên hệ giải quyết thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 316/2024/PNK-THAHS ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Công an Quận 1).

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP. HCM;
- Công an Quận 1, TP. HCM;
- Phòng PC 53 - Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Kim Huệ